

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 10 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Ninh,

2. Ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Thanh P, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 6 năm 2019, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Thanh P tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh P tại thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh P đi làm ăn xa không về thăm vợ con, không có trách nhiệm đối với gia đình con cái. Gia đình đã động viên nhưng anh P không nghe từ đó vợ chồng thường xuyên xung đột, mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng. Năm 2017, anh P đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn ly hôn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm lẫn nhau. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng Chị có 01 con chung tên là Hoàng Trần Bảo A, sinh ngày 12-7-2015, con đang sống với Chị. Sau khi ly hôn, Chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 7 năm 2019, bị đơn anh Hoàng Thanh P trình bày: Anh nhất trí về quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống như chị T trình bày. Vợ chồng kết hôn vào năm 2015, tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ Anh ở thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau nên chị T bỏ về nhà bố mẹ chị T sống từ năm 2017 cho đến nay. Hiện nay, Anh xét thấy tình cảm không còn, chị T xin ly hôn Anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Trần Bảo A, sinh ngày 12-7-2015, con đang sống với gia đình chị T. Sau khi ly hôn, Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; nếu chị T muốn nuôi con Anh sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại Điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại Điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh P; về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn X, xã V, huyện Q, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Thanh P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh Chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không quan tâm lẫn nhau. Hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị T và anh P đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị T xin ly hôn anh P cũng nhất trí. Do điều kiện công việc, nên chị T và anh P đều làm đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Thanh P thống nhất có 01 con chung tên là Hoàng Trần Bảo A, sinh ngày 12-7-2015. Chị T, anh P đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Xét thấy, cháu A hiện đang sống với mẹ ổn định, cháu đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử giao cháu Hoàng Trần Bảo A, sinh ngày 12-7-2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu A trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0004766, ngày 01 tháng 7 năm 2019.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã N, huyện L;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

